

CHUYỂN HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG QUA HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 8 (THÁNG 5/1941): TẦM NHÌN, TRÍ TUỆ VÀ BẢN LĨNH TRONG NHỮNG THỜI KHẮC QUYẾT ĐỊNH CỦA LỊCH SỬ

ThS. PHẠM THỊ THINH*

Tóm tắt: Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (khóa I) họp tại Pác Bó vào tháng 5/1941 là sự kiện giữ vai trò đặc biệt quan trọng, tạo bước ngoặt về việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, sự thay đổi chiến lược tại Hội nghị này là đúng đắn, kịp thời, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển, góp phần đưa đến thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Từ khóa: Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941); tầm nhìn, trí tuệ và bản lĩnh; Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Ngày nhận: 25/7/2025

Ngày phản biện: 05/8/2025

Ngày duyệt đăng: 10/8/2025

Ngay từ khi mới thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định chiến lược cách mạng là đường lối cách mạng vô sản ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Trong ba hội nghị Trung ương 6, 7, 8 khóa I, trên cơ sở nắm vững sự biến đổi của tình hình thế giới và Đông Dương, cũng như đòi hỏi khách quan của thực tiễn cách mạng, Đảng ta đã bổ sung, phát triển chiến lược cách mạng phù hợp, nhằm thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng phát triển và mau chóng

giành thắng lợi. Chủ trương của Đảng trong ba hội nghị này là sự nối tiếp, phát triển chiến lược cách mạng của Đảng ở thời kỳ mới, thể hiện tư duy mới về chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng. Trong đó, Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941) có tầm quan trọng đặc biệt, góp phần hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược của Đảng, thể hiện tầm nhìn, trí tuệ và bản lĩnh của Đảng trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt, tiến tới khởi nghĩa vũ trang trên phạm vi cả nước, giành chính quyền về tay nhân dân.

1. Chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai sắp nổ ra, Trung ương Đảng kịp thời chỉ thị cho các cấp

* Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

bộ đảng, cán bộ, đảng viên đang hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp phải nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, chuyển dần trọng tâm công tác về nông thôn, nhằm biến nông thôn thành địa bàn vững chắc của cách mạng.

Tám ngày sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì cuộc họp Xứ ủy Bắc Kỳ, đề ra chủ trương và các biện pháp bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, chuẩn bị những cơ sở vững chắc, chủ yếu là ở vùng nông thôn, miền núi, làm nơi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, củng cố lực lượng lâu dài.

Ngày 29/9/1939, Trung ương Đảng gửi thông cáo cho các cấp bộ đảng nhằm vạch ra phương hướng và biện pháp hoạt động trong tình hình mới. Thông cáo yêu cầu các đảng viên trong toàn Đảng phải nhận thức sâu sắc vấn đề dân tộc giải phóng và phải nỗ lực tuyên truyền, giáo dục quần chúng về tinh thần dân tộc giải phóng. Thông cáo chỉ rõ: *“Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng, hoàn toàn vấn đề ấy mau hay chậm là tùy theo tình hình thế giới và năng lực của các đồng chí”*¹. Đây là một nhận định quan trọng, báo hiệu sự chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng trong tình hình mới. Bên cạnh đó, Trung ương Đảng chỉ ra hai yếu tố chủ quan và khách quan có tác động quyết định tới vận mệnh cách mạng Việt Nam là năng lực vận động của bản thân Đảng và diễn biến, tác động của tình hình thế giới.

Trên cơ sở nhận định đó, cùng với việc chỉ đạo các cán bộ, đảng viên nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, củng cố hệ thống tổ chức bí mật của Đảng, Ban Trung ương của Đảng yêu cầu các hội quần chúng do Đảng lãnh đạo cũng phải lựa chọn quần chúng,

chuyển dần các hoạt động và tổ chức vào bí mật. Đây chính là các biện pháp nhằm ứng phó với cuộc khủng bố ác liệt của thực dân Pháp khi đó và có ý nghĩa như sự chuyển hướng bước đầu về hoạt động và tổ chức của Đảng.

Hai tháng sau ngày Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương diễn ra từ ngày 06 đến ngày 08/11/1939 tại Bà Điểm (Hóc Môn - Gia Định)². Hội nghị đã phân tích những diễn biến mới nhất của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, chỉ rõ tính chất đế quốc chủ nghĩa của cuộc chiến, đồng thời dự báo những tác động lịch sử của cuộc chiến trong một tương lai gần: Chiến tranh thế giới thứ hai là một cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, nó sẽ đẩy nhân loại vào “cái lò sát sinh” lớn, thúc đẩy cuộc khủng hoảng thế giới thêm trầm trọng, trật tự thế giới cũ bị lay chuyển đến tận gốc. Hội nghị khẳng định, dân chúng bị áp bức sẽ thừa cơ nổi dậy đánh đổ giai cấp thống trị; ở các nước thuộc địa, hết thảy dân tộc bị áp bức sẽ vùng dậy tranh đấu liều sống, liều chết với đế quốc xâm lược để cởi ách nô lệ; tiền đồ cách mạng thế giới rất rạng rỡ.

Hội nghị nhận định xứ Đông Dương sẽ bị lôi cuốn vào một cuộc thăm sát lớn xưa nay chưa từng có; phátxít Nhật sẽ xâm chiếm Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật. Chế độ cai trị ở Đông Dương sẽ trở thành chế độ phátxít, hơn nữa lại là “một thứ phátxít quân nhân thuộc địa nên lại càng tham tàn độc ác bội phần”³. Hội nghị phân tích thái độ của các giai cấp trong xã hội, xu hướng chính trị của các đảng phái, tôn giáo và xác định rõ mâu thuẫn chủ yếu, gay gắt nhất ở Đông Dương lúc này là mâu thuẫn giữa các dân tộc ở Đông Dương với đế quốc Pháp.

Đây là lần đầu tiên Đảng Cộng sản Đông Dương tiếp cận, phân tích các mâu thuẫn trong lòng xã hội Việt Nam trên lập trường dân tộc chủ nghĩa, đưa vấn đề dân tộc vào vị trí trung tâm trong hệ luận chiến lược của Đảng. Trên cơ sở cách phân tích chiến lược mới đó, Hội nghị nhận định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luân da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”⁴. Từ nhận định đó, Ban Trung ương của Đảng quyết định chuyển hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam, bảo đảm phù hợp với yêu cầu khách quan của lịch sử.

Tuy vẫn khẳng định cuộc cách mạng ở Đông Dương do Đảng lãnh đạo là “cách mệnh tư sản dân quyền” với hai nhiệm vụ chiến lược là “cách mệnh phản đế và điền địa”, song, trong tình hình mới, Đảng đã quyết định phải giương cao ngọn cờ dân tộc để đưa cách mạng tiến lên: “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết”⁵.

Về sách lược tổ chức, Hội nghị chỉ thị phải tăng cường hơn nữa các tổ chức quần chúng, kết hợp giữa các hình thức tổ chức công khai với các hình thức tổ chức bí mật: “Tổ chức quần chúng tùy theo điều kiện, càng có thể có tính chất rộng rãi và giản đơn bao nhiêu càng hay, để thâm phục được quảng đại quần chúng”⁶. Muốn thực hiện được chủ trương này để hình thành nên Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, công nông phải giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, vì

quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bản xứ, trung tiểu địa chủ căm tức đế quốc.

Về đấu tranh, Hội nghị chỉ rõ: “Đảng phải cương quyết đứng ra lãnh đạo phong trào tranh đấu, khuếch trương phong trào thật mạnh mẽ và to rộng thêm lên. Phải biết xoay tất cả phong trào tranh đấu lẻ tẻ vào cuộc tranh đấu chung, phản đối đế quốc chiến tranh, chống đế quốc Pháp và bè lũ, dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc”⁷.

Đây chính là những điểm mấu chốt, đánh dấu sự chuyển hướng chiến lược sáng suốt của Đảng, phù hợp với những yêu cầu khách quan và bức thiết của cách mạng Việt Nam khi Chiến tranh thế giới thứ hai vừa mới bùng nổ. Những quan điểm này là cơ sở quan trọng cho những bước tiếp theo trong việc hoàn chỉnh đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Những chủ trương chiến lược, sách lược mới được vạch ra tại Hội nghị Trung ương tháng 11/1939 đã nhanh chóng được phổ biến, triển khai tới các cấp bộ đảng, trở thành phương châm hoạt động của các cơ sở đảng và tổ chức quần chúng trong cuộc đấu tranh chống khủng bố, giữ gìn và khôi phục cơ sở đảng và tổ chức quần chúng.

Trong khi đó, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những chuyển biến to lớn. Giữa tháng 6/1940, nước Pháp bị phátxít Đức đánh bại, buộc phải tuyên bố đầu hàng. Lúc này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã về đến Nam Trung Quốc; từ cuối tháng 02/1940, Người đã bắt liên lạc với cơ sở của Đảng ở Côn Minh, trực tiếp chỉ đạo việc củng cố cơ sở đảng ở Nam Trung Quốc, chuẩn bị đón bắt thời cơ mới⁸.

Ngày 26/6/1940, Ban Trung ương của Đảng đã kịp thời ra một bản Tuyên ngôn, nhận định diễn biến mới của tình hình và kịp thời đưa ra những chỉ đạo quan trọng.

Về những diễn biến mau lẹ của tình hình thế giới, bản Tuyên ngôn nhận định: “Đế quốc Pháp đã hoàn toàn bị tiêu diệt, Chính phủ đã li lợm phản bội dân chúng Pháp, nhục nhã quỳ trước Hitle (Hitler) mong chút sừng thừa. *Chính phủ thuộc địa đã như cành lìa cội, rung rinh, chờ ngày đổ sập.* Chế độ thuộc địa lung lay vị trí chực tiêu tàn”⁹. Ở bên ngoài thì quân Nhật chuẩn bị nhảy vào chiếm đóng Đông Dương, ở trong nước “phần đông dân chúng xông xáo, rạo rức chực đánh đổ chế độ thuộc địa man rợ, chực đánh đổ phátxít Phù tang tàn ác”¹⁰. Trung ương Đảng khẳng định: “Đồng bào! Cơ hội tốt có một không hai đã tới. Cơ hội đánh đổ đế quốc thuộc địa đã tới. Cơ hội đánh đổ phátxít Nhật đã tới;... Không còn do dự, phải quyết liệt nổi lên giương cao cờ cách mạng”¹¹.

Những nhận định trên là kịp thời, táo bạo, nhưng không hoàn toàn sát hợp với tình hình. Vào thời điểm cuối tháng 6/1940, đúng là thực dân Pháp ở Việt Nam bị hoang mang vì nước Pháp bị đánh bại ở châu Âu, song bộ máy kìm kẹp của chúng ở Đông Dương lại chưa hề suy yếu. Quân đội Nhật Bản cũng chưa vào chiếm đóng Đông Dương. Do đó, nhận định rằng cơ hội cho một cuộc vùng lên đánh đổ cả thực dân Pháp và phátxít Nhật đã tới là không sát hợp với thực tế. Khi nhận định này được truyền đạt tới cán bộ và quần chúng ở cơ sở thì có thể được hiểu như là lời kêu gọi khởi nghĩa quá sớm, khi thời cơ thực sự chưa tới. Cuộc khởi nghĩa “non” đầu tiên do cán bộ đảng ở địa phương lãnh đạo chính là

cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, nổ ra vào ngày 27/9/1940.

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn chỉ diễn ra trong thời gian khoảng một tháng và trên địa bàn một huyện miền núi, nhưng có ảnh hưởng và ý nghĩa lịch sử rất to lớn. Nó chứng tỏ ý chí sục sôi, quyết vùng lên giành quyền sống và đòi độc lập dân tộc của các tầng lớp nhân dân; chứng tỏ chủ trương chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng, giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc là đúng đắn. Song, khởi nghĩa Bắc Sơn còn là một bài học đắt giá về thời cơ phát động khởi nghĩa. Trên thực tế, chủ trương khởi nghĩa của cán bộ đảng ở địa phương là chủ trương khởi nghĩa “non”, chỉ căn cứ vào tình hình địa phương mà không tính tới tình hình chủ quan và khách quan trên phạm vi toàn quốc và thế giới.

Trong thời kỳ này, Xứ ủy Nam Kỳ cũng xúc tiến chuẩn bị phát động một cuộc khởi nghĩa vũ trang có quy mô lớn hơn nhiều. Cho đến cuối năm 1939, Nam Kỳ là nơi Đảng có cơ sở mạnh nhất, Ban Trung ương và các cơ quan đầu não của Đảng đều đặt ở Nam Kỳ. Do đó, thực dân Pháp tập trung khủng bố các cơ sở đảng ở Nam Kỳ, vây ráp, quyết tâm triệt phá cơ quan lãnh đạo, hòng làm tê liệt toàn Đảng. Chính những cuộc khủng bố này đã gây cho Đảng những tổn thất nặng nề. Trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 7/1940, hầu hết các cán bộ cao cấp của Đảng, các ủy viên Trung ương, Xứ ủy viên đều bị sa lưới mật thám Pháp ở Sài Gòn - Gia Định.

Tuy bị khủng bố nặng nề, nhưng cơ sở đảng vẫn phát triển mạnh, không khí vùng lên ngày càng sôi sục trong đảng viên và

nhiều tầng lớp nhân dân Nam Kỳ. Ngay từ tháng 3/1940, Xứ ủy Nam Kỳ đã chủ trương chuẩn bị một cuộc khởi nghĩa vũ trang. Tuy nhiên, do thực dân Pháp đã cài gián điệp vào cơ quan Xứ ủy và một số cơ quan liên lạc then chốt của Xứ ủy, nên chủ trương và kế hoạch khởi nghĩa bị lộ, bị địch ngăn chặn, đàn áp, khủng bố đẫm máu.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ một lần nữa chứng tỏ ý chí và khí thế vùng lên anh dũng, quật khởi của nhân dân ta, đồng thời khẳng định chủ trương giương cao ngọn cờ dân tộc để hiệu triệu toàn dân trong thời kỳ này là hoàn toàn đúng đắn. Cùng với cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và cuộc binh biến Đô Lương, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ “là những tiếng sấm báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”¹². Tuy nhiên, các cuộc khởi nghĩa nổ ra khi thời cơ chưa thực sự chín muồi trên phạm vi toàn quốc. Thêm vào đó, những sai lầm nghiêm trọng của cơ sở đảng địa phương trong việc xây dựng Đảng và chuẩn bị khởi nghĩa đã khiến các cuộc nổi dậy thất bại.

Trong khi Xứ ủy Nam Kỳ đang lãnh đạo xúc tiến việc chuẩn bị khởi nghĩa từ ngày 06 đến ngày 09/11/1940, Trung ương Đảng đã họp tại làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh¹³. Đây là cuộc họp đánh dấu sự khôi phục của cơ quan đầu não của Đảng, có nhiệm vụ tiếp tục hoàn chỉnh thêm việc chuyển hướng chiến lược và sách lược cách mạng của Đảng¹⁴.

Hội nghị nhận định, Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng lan rộng và ác liệt; Pháp đã bại trận, phátxít Nhật thừa cơ chiếm đoạt những thuộc địa của Pháp, Mỹ, Anh ở Viễn Đông;

hai phe đế quốc Anh - Mỹ và Đức - Italia - Nhật đang đấu đá để chia lại thị trường thế giới một lần nữa, song cuộc chiến tranh này rất có thể chuyển thành cuộc chiến tranh giữa đế quốc và Liên Xô.

Về tình hình trong nước, Hội nghị nhận định, thực dân Pháp và phátxít Nhật đã câu kết với nhau để áp bức, bóc lột nhân dân ta, làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân các dân tộc Đông Dương với đế quốc, phátxít Pháp - Nhật trở nên sâu sắc, đẩy nhân dân Đông Dương đến tình thế phải đấu tranh quyết liệt để sống còn. “Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mệnh thiêng liêng: lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức Đông Dương võ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập”¹⁵.

Hội nghị xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là đế quốc chủ nghĩa Pháp - Nhật. Chiến thuật của Đảng lúc này là tập trung hết thảy mọi lực lượng phản đế, phản phong kiến ở Đông Dương thành một Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế đánh đổ kẻ thù chính là Pháp - Nhật và các hạng tay sai của chúng. “Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế là sự liên minh giữa các lực lượng cách mạng phản đế không phân biệt giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo, mục đích là thực hiện việc thống nhất hành động giữa các lực lượng ấy để tranh đấu tiến lên võ trang bạo động đánh đổ đế quốc Pháp, Nhật và các lực lượng phản động ngoại xâm, diệt trừ phong kiến và các hạng phản bội quyền lợi dân tộc, làm cho Đông Dương được hoàn toàn giải phóng”¹⁶.

Trên cơ sở đó, Hội nghị tiếp tục ủng hộ chủ trương chuyển hướng chiến lược và sách lược cách mạng đã được vạch ra tại Hội nghị Trung ương tháng 11/1939. Tuy nhiên,

khi phân tích hai nhiệm vụ chiến lược của cuộc cách mạng tư sản dân quyền, Hội nghị cho rằng, “lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế - cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết thực hơn song nếu không làm được cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công”¹⁷. “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước cái làm sau... Tình thế hiện tại không thay đổi gì tính chất cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương”¹⁸. Chủ trương trên rõ ràng không phù hợp với thực tiễn cách mạng đang diễn ra và là một hạn chế về mặt tư duy chính trị so với Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939.

Ngoài những vấn đề chiến lược và sách lược nói trên, Hội nghị Trung ương tháng 11/1940 còn thảo luận và quyết định hai vấn đề cấp thiết là phát triển ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Về cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Hội nghị quyết định duy trì, củng cố đội du kích Bắc Sơn, tiến tới thành lập khu căn cứ du kích Bắc Sơn - Võ Nhai do Trung ương trực tiếp chỉ đạo. Về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Hội nghị nhận thấy thời cơ cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang chưa thực sự chín muồi, do đó đã cử đồng chí Phan Đăng Lưu về ngay Nam Kỳ để phổ biến quyết định của Trung ương, yêu cầu hoãn cuộc khởi nghĩa. Tuy nhiên, khi đồng chí Phan Đăng Lưu về đến nơi thì lệnh khởi nghĩa đã được chuyển đến từng cơ sở, không thể hoãn được nữa.

Hội nghị Trung ương tháng 11/1940 đánh dấu bước phục hồi căn bản cơ quan đầu não và hệ thống tổ chức, chỉ huy của Đảng Cộng sản Đông Dương. Hội nghị đã kịp thời phân tích kỹ những chuyển biến quan trọng của tình hình thời cuộc trong nước và quốc tế, tiếp

tục khẳng định và hoàn thiện một bước việc chuyển hướng chiến lược và sách lược cách mạng của Đảng. Đây chính là cơ sở quan trọng cho việc khẳng định đường lối cách mạng mới trong Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941).

2. Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941): hoàn chỉnh việc chuyển hướng chiến lược với những quyết định mang tính lịch sử đưa đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Ngay khi được tin Paris thất thủ, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập cuộc họp với một số cán bộ của Đảng tại Côn Minh. Người nhận định thời cơ cho cách mạng Việt Nam đã tới, phải “mau chóng trở về nước hoạt động, chuẩn bị mọi mặt, chờ thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền”¹⁹. Người nhận định: “Lúc này mà chậm trễ là có tội với dân tộc”²⁰. Trước khi rời Trung Quốc, Người luôn chú tâm theo dõi các diễn biến mới của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, tìm hiểu rõ âm mưu “Hoa quân nhập Việt” của quân Tưởng Giới Thạch, về tình hình các nhóm người Việt Nam đang hoạt động ở Hoa Nam, và đặc biệt là quan tâm tìm hiểu tình hình cách mạng trong nước, nung nấu, dự kiến những quyết sách chiến lược mới để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên trong giai đoạn quyết định này.

Sau khi tìm hiểu và quyết định chọn Cao Bằng là nơi xây dựng căn cứ địa cách mạng, ngày 28/01/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và một số cán bộ đã về tới Pác Bó, một bản giáp biên giới Việt - Trung, thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Được sự đùm bọc, che chở của nhân dân các dân tộc địa phương, Người đã chọn hang Cốc Bó làm nơi đặt cơ quan chỉ huy bí mật đầu tiên.

Tại Pác Bó, Nguyễn Ái Quốc và các cán bộ đảng khẩn trương tập trung vào hai công việc chính: *Một là*, nhân danh đại biểu của Quốc tế Cộng sản, Người gửi thư triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương để xác định chiến lược và sách lược cách mạng Việt Nam trong tình hình mới. *Hai là*, tổ chức vận động các tầng lớp nhân dân địa phương, huấn luyện cán bộ, thí điểm xây dựng các Hội cứu quốc, xây dựng vùng Pác Bó thành căn cứ địa, chỗ đứng chân vững chắc cho cách mạng Việt Nam.

Sau một thời gian tích cực chuẩn bị, từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở rộng đã diễn ra tại Pác Bó, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị phân tích nguồn gốc, đặc điểm, tính chất của Chiến tranh thế giới thứ hai; nhận định phátxít Đức sẽ tấn công Liên Xô; cuộc chiến tranh Thái Bình Dương sẽ bùng nổ. Cuộc chiến tranh do đế quốc, phátxít gây ra sẽ tàn sát nhân loại, biến thế giới thành một “lò sát sinh ghê gớm”. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh cũng đồng thời làm chủ nghĩa đế quốc suy yếu và phong trào cách mạng thế giới sẽ phát triển mạnh mẽ. Hội nghị dự đoán rằng: “Nếu cuộc đế quốc chiến tranh lần trước đã đẻ ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công”²¹.

Nhận định trên là một phán đoán chiến lược táo bạo và hoàn toàn chính xác về xu hướng diễn biến của tình hình thế giới, giúp Đảng xác định đúng phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam. Về tình hình Đông Dương, Hội nghị phân tích kỹ lưỡng các chính sách, thủ đoạn đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp và phátxít Nhật, xác định rõ

kẻ thù của cách mạng Đông Dương là đế quốc, phátxít Pháp - Nhật. Hội nghị cũng đi sâu phân tích tình cảnh và thái độ của các giai tầng trong xã hội Đông Dương, nhận diện một số xu hướng, phong trào chính trị - xã hội và đảng phái mới xuất hiện. Hội nghị đi đến kết luận quan trọng: “Đế quốc Pháp - Nhật chẳng những áp bức các giai cấp thợ thuyền, dân cày, mà chúng nó áp bức bóc lột cả các dân tộc không chừa một hạng nào. Dẫu là anh tư bản, anh địa chủ, một anh thợ hay một anh dân cày đều cảm thấy cái ách nặng nề của đế quốc là không thể nào sống được. Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”²². Hội nghị xác định: “Trong lúc này khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật”²³. Đồng thời chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”²⁴.

Trên cơ sở đó, Hội nghị xác định lại nhiệm vụ chiến lược và tính chất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ này là: “Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, “vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”²⁵.

Đây chính là nội dung chuyển hướng chiến lược cách mạng quan trọng nhất được xác định trong Hội nghị Trung ương 8, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc trong phân tích và chỉ đạo chiến lược của Đảng. Theo đường lối chiến lược mới này, Hội nghị quyết định tạm gác khẩu hiệu “cách mạng điền địa” và tất cả các khẩu hiệu đấu tranh khác không phù hợp với mục tiêu đại đoàn kết toàn dân dưới ngọn cờ dân tộc. “Vậy nên chiến thuật hiện tại của Đảng ta là phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thông thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân (hơn hết là dân tộc Việt Nam)”²⁶.

Với tinh thần tập trung cao nhất vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Hội nghị đã thực sự đặt vấn đề dân tộc vào trung tâm của toàn bộ chiến lược và sách lược cách mạng. Đây cũng là lần đầu tiên kể từ khi thành lập và nắm giữ ngọn cờ lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Đông Dương bàn luận rất ráo đến tận cùng vấn đề dân tộc trong khuôn khổ một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến như Việt Nam.

Về chính sách áp bức dân tộc của thực dân Pháp, Hội nghị nhận định: “Đối với nước Việt Nam một dân tộc, một lịch sử, một văn hóa, một tính sinh hoạt như nhau, thế mà chúng chia ra làm ba kỳ, dùng ba lối cai trị khác nhau rồi gây mối thù hằn cừu thị ở các xứ đó. Làm cho sự đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng khó khăn”²⁷. Hội nghị cũng lên án việc thực dân Pháp ly gián, chia rẽ và khơi sâu thêm sự phân biệt, ác cảm giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc Lào và Cao Miên (Campuchia).

Trên cơ sở phân tích sâu sắc vấn đề dân tộc, Hội nghị khẳng định: “Không phải Đảng ta

thủ tiêu vấn đề giai cấp đấu tranh trong cuộc cách mạng Đông Dương. Không! Vấn đề giai cấp đấu tranh vẫn tồn tại mãi. Nhưng trong giai đoạn hiện tại, quốc gia trên hết, thì tất cả những yêu sách của bộ phận mà có hại đến quyền lợi của toàn thể, của giai cấp mà có hại đến quyền lợi của dân tộc, thì phải gác lại để giải quyết sau. *Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc*”²⁸.

Trên cơ sở giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa đấu tranh giai cấp với đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng vạch ra phương hướng và xác lập nguyên tắc cho việc giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa “Đông Dương” và “Việt Nam”, làm cơ sở cho việc xác định chiến lược cách mạng trong phạm vi từng dân tộc. Hội nghị nhận định: “Nói đến vấn đề dân tộc tức là đã nói đến sự tự do độc lập của mỗi dân tộc tùy theo ý muốn của mỗi dân tộc. Nói như thế nghĩa là sau lúc đánh đuổi Pháp - Nhật, ta phải thi hành đúng chính sách “dân tộc tự quyết” cho dân tộc Đông Dương. Các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý”²⁹. “Riêng dân tộc Việt Nam, một dân tộc đông và mạnh hơn hết ở Đông Dương, sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần tân dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, không giữ được chính quyền, còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thầy đều được một phần

tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy”³⁰.

Như vậy, trải qua hơn 10 năm tiếp thu, vận dụng lý luận Mác - Lênin, qua kiểm nghiệm thực tiễn, đặc biệt là với sự trở về và trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, trước đòi hỏi cấp bách của thực tiễn cách mạng trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai, Đảng Cộng sản Đông Dương đã hoàn chỉnh và nâng tầm lý luận về vấn đề dân tộc, nhà nước quốc gia - dân tộc lên tầm cao mới của thời đại, đủ sức soi đường cho cách mạng Việt Nam đi tới thắng lợi cuối cùng.

Điểm cốt yếu nhất, thể hiện được toàn bộ chiến lược và sách lược đấu tranh mới của Đảng chính là quyết định của Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941) về vấn đề mặt trận dân tộc thống nhất. Trên cơ sở xác định toàn bộ cuộc vận động, tập hợp quần chúng của Đảng thời kỳ này được đặt dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước, trong từng xứ Việt Nam, Lào, Campuchia sẽ có một hình thức mặt trận dân tộc thống nhất riêng, phù hợp với tình hình thực tiễn của từng dân tộc. Riêng ở Việt Nam, hình thức mặt trận được Hội nghị xác định: “Mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay ở Việt Nam là *Việt Nam Độc lập đồng minh*, hay nói tắt là *Việt Minh*”³¹. Đây là một bước trưởng thành vượt bậc của Đảng trong nhận thức lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Kể từ khi Đảng ra đời, lần đầu tiên lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin thực sự hòa quyện với chủ nghĩa yêu nước Việt Nam để biến thành xung lực to lớn, mở đường cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong một giai đoạn có tính chất bước ngoặt

lịch sử. Hội nghị Trung ương 8 đã chỉ ra phương châm chiến lược trong việc xây dựng lực lượng cách mạng trong tình hình mới là: “Trước hết tập trung cho được lực lượng cách mạng toàn cõi Đông Dương, không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”³².

Về Mặt trận Việt Minh, Hội nghị xác định rõ: “Việt Nam độc lập đồng minh sẽ lấy ngọn cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu. Việt Nam Độc lập đồng minh có một bản chương trình đưa ra hiệu triệu nhân dân, khẩu hiệu chính hiện nay của Việt Minh là: *phản Pháp - kháng Nhật - liên Hoa - độc lập*”³³. Bản Chương trình của Việt Minh do Hội nghị Trung ương 8 thông qua ghi rõ: “Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật, sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lấy lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc. Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra”³⁴.

Như vậy, đến thời điểm tháng 5/1941, trong chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương, những yếu tố và nguyên tắc nền tảng quy định cương vực, thể chế, chủ quyền và sự thống nhất của một nước Việt Nam mới trong kỷ nguyên hậu thuộc địa - kỷ nguyên độc lập tự do đã được xác định rõ ràng, chắc chắn, dựa trên những nguyên tắc chính trị tiên bộ nhất của thời đại.

Về công tác vận động quần chúng, Hội nghị xác định đây là công tác có tầm quan trọng đặc biệt có ý nghĩa sống còn với toàn bộ cuộc vận động cách mạng, đồng thời chỉ dẫn cụ thể: “Phải hạ thấp điều lệ xuống cho dễ thu phục

hội viên và cho các đoàn thể phát triển hơn. Các đảng viên phải tránh cái bệnh cô độc... Trong khi đi tổ chức một đoàn thể cứu quốc điều cốt yếu là không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc”³⁵. Các đoàn thể hợp thành của Việt Minh sẽ là các *Cứu quốc hội*, trong đó nòng cốt sẽ là Công nhân cứu quốc hội, Nông dân cứu quốc hội, Thanh niên cứu quốc hội, Phụ nữ cứu quốc hội, v.v..

Một trong những vấn đề được Hội nghị tập trung thảo luận chính là vấn đề khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Lần đầu tiên vấn đề này được đưa vào chương trình nghị sự của một Hội nghị Trung ương của Đảng. Trên cơ sở phân tích diễn biến cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai và tình hình trong nước, Hội nghị đã đi tới các phán đoán tài tình về kết cục của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai và đặc biệt là về cuộc chiến ở khu vực Thái Bình Dương, với chiến thắng thuộc về phe Đồng minh và sự thất bại không thể tránh khỏi của Nhật Bản và phe Trục. Kết quả là: “Lúc ấy cả thế giới như một nồi nước sôi và tình hình cách mạng Đông Dương bước những bước vĩ đại để dọn đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa mạnh mẽ”³⁶ và “*Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang*”³⁷. Do đó, nhiệm vụ của những người cộng sản và của toàn thể dân tộc Việt Nam là phải kiên trì và tích cực chuẩn bị lực lượng cho cuộc tổng khởi nghĩa. Về hình thái của cuộc tổng khởi nghĩa, Hội nghị cũng chỉ rõ: “Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”³⁸.

Hội nghị phân tích và phán đoán khoa học về thời cơ của cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền³⁹. Đây là những chỉ dẫn có tính thực tiễn cao, đóng góp rất to lớn vào quá trình xây dựng và chuẩn bị lực lượng cho thắng lợi cuối cùng của cuộc vận động cứu nước của Đảng và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Có thể khẳng định, sự thay đổi chiến lược cách mạng ở Đông Dương của Hội nghị Trung ương 8 là đúng đắn, sáng tạo, kịp thời, có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển thắng lợi trong cuộc đấu tranh của nhân dân ta, đưa đến thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. ♦

-
- 1, 3, 4, 5, 6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 6, tr. 756, 517, 536, 539, 547, 552.
 2. Hội nghị này thường được gọi là Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa I.
 8. Xem Phùng Thế Tài: *Bác Hồ, những kỷ niệm không quên*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002, tr. 20-24.
 9. Phùng Thế Tài: *Bác Hồ, những kỷ niệm không quên*, *Sdd*, tr. 28.
 10. Vũ Anh: “Những ngày gần Bác”, in trong sách: *Đầu nguồn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 234.
 - 11, 14, 17, 18, 21, 25, 27, 30, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t. 7, tr. 12, 109, 58, 77, 100, 119, 111, 114, 122-123, 150, 124-125, 131, 129, 131-132, 129-130.
 - 12, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t. 7, tr. 13.
 15. Hội nghị này thường được gọi là Hội nghị Trung ương lần thứ bảy khóa I.
 16. Xem “Nghị quyết của Hội nghị Trung ương ngày 6, 7, 8, 9/11/1940”, in trong Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t. 7, tr. 20-82.
 - 19, 20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t. 7, tr. 68.
 - 22, 23, 32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t. 7, tr. 112.
 - 24, 28, 29. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t. 7, tr. 113.
 - 26, 31. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t. 7, tr. 122.